TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ -ST
Ngày: 08-9-2017
"V/v Ly hôn giữa chị S và anh Ô"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Nam Dương;
2. Bà Néang Sâm Bô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn *tham gia phiên tòa*: Ông Chau Pho Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXX- ST ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Néang Kim S, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 03, khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Chau Ô, sinh năm 1971; nơi cư trú: Hẻm 8, khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Người phiên dịch: Ông Chau Ôn – Phó ban ấp An Lợi, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20-7-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Néang Kim S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 04 năm 1995 cha mẹ hai bên có tổ chức lễ cưới cho chị và anh Ô, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân do chị và anh Ô tự tìm hiểu và yêu thương nhau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến

năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh Ô thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình, chị S đã nhiều lần khuyên nhưng anh Ô không thay đổi nên vợ chồng ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị S yêu cầu ly hôn với anh Ô.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Néang B, sinh ngày 20/11/1996 và Néang Kim A, sinh ngày 21/01/2009. Chị S yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kim A, không yêu cầu anh Ô cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu B đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 02-8-2017 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Chau Ô trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như lời trình bày của chị S là đúng, nhưng anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, mỗi ngày sau khi đi làm về anh thường xuyên uống rượu chị S không đồng ý nên vợ chồng hay cự cải với nhau, đến tháng 07/2016 anh và chị S ly thân cho đến nay. Nay anh Ô đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Néang B, sinh ngày 20/11/1996 và Néang Kim A, sinh ngày 21/01/2009. Anh đồng ý giao cháu Néang Kim A cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Néang B đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Néang Kim S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng

của họ theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: Việc chị Néang Kim S yêu cầu ly hôn với anh Chau Ô và được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim A là có đủ cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngày 20 tháng 7 năm 2017 chị Néang Kim S có đơn yêu cầu ly hôn với anh Chau Ô. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Anh Chau Ô là bị đơn và có nơi cư trú tại hẻm 8, khóm 3, thị trấnT, huyện T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Ô tự tìm hiểu, yêu thương nhau tuy có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị S và anh Ô chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, anh Ô đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S nhưng do hôn nhân giữa chị S và anh Ô không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Néang Kim S với anh Chau Ô.

- Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống chị S và anh Ô có 02 con chung tên Néang B, sinh ngày 20/11/1996 và Néang Kim A, sinh ngày 21/01/2009. Xét thấy, cháu Néang B đã trưởng thành và lập gia đình riêng, chị S và anh Ô không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Néang Kim A, chị S yêu cầu được nuôi dưỡng, anh Ô đồng ý. Hơn nữa, cháu Kim A có văn bản trình bày ý kiến được sống chung với chị S. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Kim A, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Néang Kim A cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S không yêu cầu anh Ô cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Néang Kim S và anh Chau Ô xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Néang Kim S phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12- 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Néang Kim S với anh Chau Ô.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Néang Kim A cho chị Néang Kim S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chau Ô không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Sang không yêu cầu.

Anh Chau Ô có quyền và nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Néang Kim S và anh Chau Ô xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Néang Kim S phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0018073 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, chị S đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS huyện Tri Tôn;
- THA huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Phượng